

Số : 113./BC-TLTN

Tây Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO

(Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh
hàng năm và 3 năm gần nhất)

Năm báo cáo: 2016

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

A. Phục vụ tưới, tiêu, cung cấp nước:

a) Phục vụ tưới, tiêu:

Kết quả thực hiện năm 2013: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 128.512,59 ha, đạt 107,09 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 109,96 % so cùng kỳ năm 2012.

Kết quả thực hiện năm 2014: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 139.130,33 ha, đạt 105,40 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 108,26 % so cùng kỳ năm 2013.

Kết quả thực hiện năm 2015: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 142.456,52 ha/140.095 hộ, đạt 100,32 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 102,39 % so cùng kỳ năm 2014. Trong đó:

b) Cung cấp nước cho các nhà máy:

Trong 03 năm 2013, 2014, 2015 Công ty đã hợp đồng cấp nước cho các nhà máy, gồm có: Nhà máy đường 8.000 TMN (TTCS-TN) 0,15 m³/s; Nhà máy mì TAPIOCA 190 m³/h; Nhà máy mì Tân Châu 62,5 m³/h; Nhà máy mì Thành Vũ 190 m³/h; Nhà máy mì Hồng Phát 36m³/h; Cấp nước sinh hoạt cho khu liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ-Phước Đông 125 m³/h;

B. Tổng thu thủy lợi phí và tiền nước:

a) Năm 2013:

Tổng thu là 69.524,130 triệu đồng, đạt 95,46 % kế hoạch UBND tỉnh giao
Trong đó:

+ Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí : 66.593,55 triệu đồng đạt 94,82 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 111,95 % so cùng kỳ năm 2012;

+ Thu thủy lợi phí ngoài hạn điền: 92,274 triệu đồng, đạt 92,27 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 150,93 % so cùng kỳ năm 2012;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 2.838,308 triệu đồng, đạt 113,53 % kế hoạch và bằng 114,63 % so cùng kỳ năm 2012

b) Năm 2014:

Tổng thu là 74.734,645 triệu đồng, đạt 104,23 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 107,49 % so cùng kỳ năm 2013. Trong đó:

+ Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí : 70.987,826 triệu đồng đạt 102,73 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 106,60 % so cùng kỳ năm 2013;

+ Thu thủy lợi phí ngoài hạn điền 76,394 triệu đồng, đạt 76,39 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 82,79 % so cùng kỳ năm 2014;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 3.670,425 triệu đồng, đạt 146,82 % kế hoạch và bằng 129,32 % so cùng kỳ năm 2013.

c) Năm 2015:

Tổng thu là 78.632,362 triệu đồng, đạt 102,91% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 105,22 % so cùng kỳ năm 2014. Trong đó:

+ Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí : 74.127,578 triệu đồng đạt 102,80 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 104,58 % so cùng kỳ năm 2014;

+ Thu thủy lợi phí ngoài hạn điền: 80,891 triệu đồng, đạt 80,89 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 105,89 % so cùng kỳ năm 2014;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 4.423,893 triệu đồng, đạt 138,25 % kế hoạch và bằng 120,53 % so cùng kỳ năm 2014.

1.2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh

A. Năm 2013:

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn thủy lợi phí:

- Tổng khối lượng ước thực hiện:

+ Đất đào các loại : 73.673 m³

+ Đất đắp các loại : 15.376 m³

+ Bê tông các loại : 2.768 m³

+ Thép các loại : 87.775 kg

+ Phát cỏ, vớt rong : 8.575.447 m²

- Tổng giá trị thực hiện: 27.542 triệu đồng, đạt 119,75 % kế hoạch vốn và bằng 173,81 % so cùng kỳ năm 2012;

+ Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2012 : 4.799 triệu đồng

+ Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2013 : 21.505 triệu đồng

+ Chi phí phòng chống lụt bão hồ Tha La : 307 triệu đồng

+ Chi phí kiến thiết cơ bản khác năm 2013 : 931 triệu đồng

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

- Tổng khối lượng ước thực hiện:

+ Đất đào : 7.803 m³

+ Đất đắp : 5.985 m³

+ Bê tông các loại : 696 m³

+ Thép các loại : 19.621 kg

- Tổng giá trị thực hiện: 3.789 triệu đồng, bằng 108,26 % kế hoạch và bằng 108,26 % so cùng kỳ năm 2012;

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 175:

- Đất đào, đắp : 6.887 m³

- Bê tông : 78,24 m³

- Vữa các loại : 352,26 m³

d) Trả vốn vay AFD:

Kế hoạch trả cho AFD trong năm 2013 là 21.316 triệu đồng (gốc 16.816 triệu đồng, lãi 4.500 triệu đồng). Trong đó:

- Hợp phân giao thông 13.597 triệu đồng (gốc 10.726 triệu đồng, lãi 2.871 triệu đồng);

- Hợp phân thủy lợi 7.719 triệu đồng (gốc 6.090 triệu đồng, lãi 1.629 triệu đồng)

B. Năm 2014:

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn thủy lợi phí:

- Tổng khối lượng vật tư chủ yếu ước thực hiện:

+ Đất đào các loại : 6.119,27 m³

+ Đất đắp các loại : 3.097,89 m³

+ Bê tông các loại : 94,09 m³

+ Thép các loại : 1.821,23 kg

+ Phát cỏ, vớt rong (công nhân thực hiện) : 48.926.912,00 m²

+ Phát cỏ, vớt rong (TCHTDN thực hiện) : 7.205.923,00 m²

- Tổng giá trị thực hiện năm 2014: 18.115 triệu đồng, đạt 105,30 % kế hoạch và bằng 79,65 % so cùng kỳ năm 2013;

- Tổng giá trị giải ngân năm 2014: 21.000 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch vốn được bố trí và bằng 90,60 % so cùng kỳ năm 2013. Trong đó:

- + Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2012 : 2.525 triệu đồng
- + Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2013 : 3.934 triệu đồng
- + Cấp phát khối lượng xây dựng năm 2014 : 14.541 triệu đồng

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

- Tổng khối lượng vật tư chủ yếu ước thực hiện:

+ Đất đào các loại : 89,26 m³

+ Đất sỏi đỏ : 5.882,46 m³

- Tổng giá trị đã thực hiện năm 2014: 2.143 triệu đồng, bằng 198,79 % kế hoạch và bằng 56,56 % so cùng kỳ năm 2013;

- Tổng giá trị giải ngân năm 2014: 2.000 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch vốn được bố trí và bằng 57,16 % so cùng kỳ năm 2013. Trong đó:

+ Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2013 : 922 triệu đồng

+ Cấp phát khối lượng xây dựng năm 2014 : 1.078 triệu đồng

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 175:

Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 175 phân công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào, đắp : 787,51 m³

- Bê tông các loại : 28,87 m³

- Vữa các loại : 224,74 m³

d) Trả vốn vay AFD

Kế hoạch trả cho AFD trong năm 2014 là 20.915 triệu đồng (gốc 16.816 triệu đồng, lãi 4.099 triệu đồng). Trong đó:

- Hợp phần giao thông 13.351 triệu đồng (gốc 10.726 triệu đồng, lãi 2.625 triệu đồng);

- Hợp phần thủy lợi 7.564 triệu đồng (gốc 6.090 triệu đồng, lãi 1.474 triệu đồng)

C. Năm 2015:

a) Từ nguồn thủy lợi phí:

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2015 là 23.000 triệu đồng, Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2015, giải ngân hết vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2015.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.000 triệu đồng, công trình: Nạo vét kênh tiêu rạch Đá Hàng. Công trình đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao và giải ngân hết vốn đã được bố trí trong năm 2015.

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227:

Song song với việc đầu tư sửa chữa từ các nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi và thủy lợi phí. Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 175 phân công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào	:	2.258,70 m ³
- Đất đắp	:	867,20 m ³
- Bê tông các loại	:	36,29 m ³
- Vữa các loại	:	373,65 m ³

d) Trả vốn vay AFD

Kế hoạch trả cho AFD trong năm 2015 là 20.412 triệu đồng (gốc 16.816 triệu đồng, lãi 3.596 triệu đồng). Trong đó:

- Hợp phần giao thông 13.030 triệu đồng (gốc 10.726 triệu đồng, lãi 2.304 triệu đồng);

- Hợp phần thủy lợi 7.382 triệu đồng (gốc 6.090 triệu đồng, lãi 1.292 triệu đồng phần lãi do Công ty chi từ nguồn thủy lợi phí dự án Tân Hưng);

1.3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, sự hỗ trợ nhiệt tình của các Ban, Ngành và UBND các huyện, thị trong việc phối hợp tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi;

- Hệ thống kênh mương đã được đầu tư nâng cấp từ các nguồn vốn tạo nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến công nghiệp trong thời gian qua;

- Người dân đã nắm bắt kịp thời các thông tin về thời gian đóng, mở nước, lịch tưới luân phiên của Ngành, đã chủ động gieo trồng các loại cây phù hợp với các biện pháp tưới tiêu trên từng khu vực, bảo đảm cho sự phát triển của cây trồng, đem lại hiệu quả năng suất cao nhất trong từng vụ sản xuất;

- Việc thực hiện đăng ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý của các tổ chức hợp tác dùng nước với các đơn vị trực thuộc Công ty được thực hiện hoàn thành tốt trong năm.

b) Những khó khăn, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của đơn vị:

- Công tác làm thông thoáng lòng dẫn kênh tưới dưới 50 ha, một số Tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện đôi lúc còn chậm, chưa đồng bộ với kênh cấp trên, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tưới trên một số khu vực;

- Nhiều kênh tiêu bị bồi lắng, không hoạt động tốt, việc triển khai thi công nạo vét mạng lưới kênh tiêu trước mùa mưa bão còn chậm do phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định mới;

- Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và quy định vận hành bảo trì hệ thống kênh còn chậm.

c) Nguyên nhân những việc còn tồn tại:

- Do ít kinh phí, nhiều năm trước chỉ quan tâm đến sửa chữa kênh tưới, ít quan tâm đến kênh tiêu;

- Chất lượng hoạt động của một số tổ chức hợp tác dùng nước còn yếu, chưa được khắc phục;

- Có một số quy định mới đối với công tác xây dựng cơ bản, phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình vận hành, quy trình bảo trì hệ thống kênh.

1.4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp

Tích cực mở rộng vùng tưới, trong đó hàng năm mức tăng diện tích tưới tự chảy phải cao hơn mức giảm diện tích do mở rộng khu công nghiệp, khu dân cư bảo đảm hầu hết các cấp kênh đều đủ nước thiết kế đến cuối kênh, đáp ứng đúng yêu cầu dùng nước của từng loại cây trồng suốt vụ sản xuất. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn duy tu, sửa chữa hệ thống thủy lợi, tham gia đầu tư mở rộng vùng tưới. Trong điều kiện thời tiết bình thường, hàng năm phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận với mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tăng kinh phí duy tu sửa chữa công trình từ nguồn thu thủy lợi phí và tăng thu nhập cho người lao động. Bảo vệ an toàn hệ thống công trình thủy lợi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tỉnh Ủy, UBND tỉnh quan tâm đầu tư phát triển hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh, đặc biệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từng bước đầu tư hoàn thiện mạng lưới thủy lợi nội đồng sẽ làm tăng diện tích, nâng cao chất lượng tưới. Hồ Dầu Tiếng được tiếp nước từ hồ Phước Hòa, cơ bản khắc phục tình trạng thiếu nước.

Diện tích tưới được mở rộng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tăng doanh thu, qua đó tăng kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, phát triển nhiều khu tưới điểm làm tăng hiệu quả tưới, tiêu, đồng thời tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Khai thác hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, hàng năm bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đủ 3 vụ, tăng diện tích tưới, tiêu với chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao; mở rộng cấp nước

công nghiệp, nước sinh hoạt cho các nhà máy và các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt việc chăm lo đời sống người lao động, thúc đẩy phát triển Công ty phát triển bền vững.

Tiếp tục phát động phong trào thi đua xây dựng các khu tưới điểm, phấn đấu đến hết nhiệm kỳ 50% diện tích vùng tưới đạt tiêu chuẩn khu tưới điểm. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, từng bước quản lý được khối lượng nước sử dụng, tiến tới quản lý theo hướng hiện đại.

Hàng năm triệt để tiết kiệm chi phí, dành kinh phí ít nhất 30% doanh thu thủy lợi phí cho việc đầu tư duy tu sửa chữa thường xuyên và đầu tư kiên cố hóa kênh mương, mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng tưới. Ưu tiên đầu tư các công trình gồm: kênh tiêu phục vụ cho nhu cầu chuyển đổi cây trồng của nông dân, nâng cấp hệ thống tưới trong các xã điểm xây dựng nông thôn mới, nâng cấp bờ kênh phục vụ giao thông nông thôn.

Tập trung xây dựng hoàn thiện và thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung bộ định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở cho việc thực hiện phân công lao động và phân phối thu nhập một cách khoa học hơn.

Phối hợp Chính quyền địa phương thực hiện đúng chủ trương và các quy định miễn thu thủy lợi phí, tăng cường công tác bảo vệ công trình, có biện pháp củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hợp tác dùng nước.

**BIỂU SỐ 1:
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP**

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2016)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Diện tích miễn thu thủy lợi phí	Ha	128.512,59	139.130,33	142.456,52	144.000
b)	Cung cấp nước	m3			4.928.286,4	4.210.371,0
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	72,753	77,147	80,367	81,427
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,581	8,425	8,724	8,7614
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2,744	1,787	1,2144	1,575
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				

6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	"	4,052	2,373	3,171	1,943
b)	- Vốn vay	"				
c)	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	225	227	230	230
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	22,433	23,867	24,392	24,458
a)	- Quỹ lương quản lý	"	1,258	1,264	1,298	1,164
b)	- Quỹ lương lao động	"	21,175	22,603	23,094	23,294

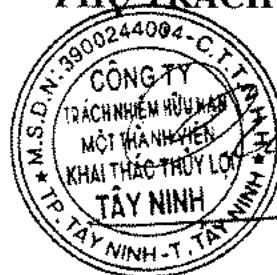
* Do Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, là Công ty độc lập dưới là các Xí nghiệp hạch toán báo sổ nên không có thông tin ở các nội dung cuối biểu số 1.

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất của Công ty, xin được báo cáo đến cơ quan chức năng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT;
- Sở Tài chính;
- Sở NN-PTNT;
- Chủ tịch, Ban Giám đốc Cty;
- Phòng KH-KT; QLN-CT, TV
- Lưu: VT

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH CÔNG TY**



Trần Quang Tĩnh